TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM THÀNH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc L - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 16/2021/HNGĐ-ST Ngày: 31/5/2021 V/v : *"Kiện xin ly hôn"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trung

Các hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Minh và ông Bùi Đức Hiệp.

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Phạm Văn Bẩy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Vui, Kiểm sát viên.

Ngày 31/5/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 292/2020/TLST-HNGĐ ngày 17/11/2020 về việc Kiện xin ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐXX-ST ngày 05/5/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Đồng Văn Th, sinh năm 1962. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và trú quán: Thôn B, xã L, huyện K , tỉnh Hải Dương.

- *Bị đơn*: Chị Trần Thị L , sinh năm 1973. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và trú quán: Thôn B, xã L, huyện K , tỉnh Hải Dương.

(*Anh Th và chị L đều có mặt tại phiên tòa*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ anh Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị L được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký tại UBND xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương vào năm 1996. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 6 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Năm 2002, vợ chồng đã làm đơn ly hôn gửi UBND xã L sau đó lại đoàn tụ. Do cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc, những mâu thuẫn, bất đồng không thể khắc phục nên năm 2019 anh lại làm đơn xin ly hôn chị L nhưng do được sự động viên của gia đình, hòa giải tại Tòa án và các con chưa đủ 18 tuổi nên anh lại rút đơn xin ly hôn chị L , Tòa án đã Đình chỉ việc giải quyết vụ án. Vợ chồng lại đoàn tụ nhưng vẫn không thể khắc phục được những mâu thuẫn, bất hòa trong cuộc sống. Nay xác định tình cảm vợ chồng thực sự

không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị L .

Về quan hệ con chung: Anh và chị L có 02 con chung là Đồng Quốc V, sinh năm 1997 và Đồng Thị L1, sinh năm 2002, cả hai cháu đều đã trưởng thành tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Theo bản tự khai và biên bản lấy lời khai chị L trình bày: Chị và anh Th được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký tại UBND xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương năm 1996. Trong thời gian chung sống cùng nhau anh Th đánh đập chị tàn bạo. Anh Th đã gửi đơn ly hôn đến UBND xã L nhưng được sự động viên của gia đình nên đã rút đơn về đoàn tụ nhưng anh Th vẫn không thay đổi. Vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan hệ tình cảm từ năm 2018 đến nay. Năm 2019 anh Th lại xin ly hôn chị nhưng anh lại rút đơn, Tòa án đã Đình chỉ việc giải quyết ly hôn. Nay anh Th lại xin ly hôn, chị xác định chị và anh Th không còn tình cảm gì với nhau nhưng chị chỉ đồng ý ly hôn khi anh Th để lại toàn bộ tài sản là nhà đất cho mẹ con chị và chu cấp tiền ăn học cho cháu Đồng Thị L1 do cháu L1 đang học cao đẳng dược Hải Dương. Về con chung: Chị và anh Th có 2 con chung là Đồng Quốc V, sinh năm 1997 và Đồng Thị L1, sinh năm 2002, cả hai cháu đều đã trưởng thành tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Chị yêu cầu anh Th cho hai cháu V và cháu L1 sở hữu sử dụng toàn bộ nhà đất của vợ chồng và cho hai cháu V, L1 800.000.000đồng do vợ chồng tiết kiệm được do anh Th đang quản lý. Việc giải quyết về tài sản, chị đề nghị để chị và anh Th tự giải quyết, nếu không giải quyết được, chị sẽ có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

Tại phiên tòa:

Anh Th yêu cầu được ly hôn chị L ; các con đều đã trưởng thành tự lập nên anh không yêu cầu giải quyết; tài sản và công nợ anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị L : Không đồng ý ly hôn anh Th ; chị xác định các con đã trưởng thành, tự lập ; chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thụ lý đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, thời hạn giải quyết, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà Hội đồng xét xử đã tuân theo Pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định, bị đơn cơ bản thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 39 Bộ luật dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Xử cho anh Th được ly hôn chị L . Về con chung: Không phải giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Th và chị L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Anh Th phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ của vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà, Hội đồng xét xử Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương có đủ cơ sở xác định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:*

Theo tài liệu anh Th cung cấp và lời khai của các đương sự thể hiện anh Th và chị L đăng ký kết hôn tại UBND xã L vào ngày 18/5/1996, việc kết hôn là tự nguyện và đúng quy định của Pháp luật. Xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Th , Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Th và chị L là do anh chị bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau về tình cảm vợ chồng, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, đánh cãi nhau, anh chị đã sống ly thân thời gian dài. Hơn nữa, anh Th đã 02 lần nộp đơn xin ly hôn chị L đến UBND xã L và Tòa án nhưng được sự động viên của gia đình và hòa giải tại UBND xã L và Tòa án, anh Th đã rút đơn về đoàn tụ. Sau 02 lần rút đơn để vợ chồng có cơ hội hàn gắn tình cảm nhưng mâu thuẫn giữa anh chị không những không được giải quyết mà còn trầm trọng trọng hơn. Tại các lần lấy lời khai của chị L , chị đều thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, đã ly thân thời gian dài và chị cũng không còn tình cảm với anh Th nhưng chị vẫn không đồng ý ly hôn anh Th . Tại buổi hòa giải ngày 14/12/2020, anh Th và chị L đã thuận tình ly hôn và tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết tòa bộ vụ án, Tòa án đã lập Biên bản hòa giải, Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành nhưng chị L không ký các biên bản dù đã được giải thích đầy đủ, kỹ càng về quyền và nghĩa vụ của chị. Theo biên bản xác minh tại địa phương thể hiện, thời gian khoảng 2 năm trở lại đây, anh Th , chị L có xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau, đã nộp đơn xin ly hôn.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa anh Th và chị L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu của anh Th , xử cho anh Th được ly hôn chị L là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] *Về quan hệ con chung:* Anh Th và chị L có 02 con chung là: Đồng Quốc V, sinh năm 1997 và Đồng Thị L1, sinh năm 2002, cả hai cháu đều đã trưởng thành tự lập nên không đặt ra việc giải quyết.

[3] *Về quan hệ tài sản*: Quá trình giải quyết vụ án, anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị L yêu cầu anh Th cho cháu V và cháu L1 sở hữu sử dụng toàn bộ nhà đất của vợ chồng và cho hai cháu V, L1 800.000.000đồng do vợ chồng tiết kiệm được hiện do anh Th đang quản lý. Việc giải quyết về tài sản, Tòa án đã giải thích và giao cho chị L Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ để giải quyết về tài sản chung vợ chồng. Chị đề nghị để chị và anh Th tự giải quyết, nếu không giải quyết được, chị sẽ có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác. Tại phiên tòa, anh Th và chị L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề giải quyết trong vụ án này, sau này các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định.

[4] *Về án phí:* Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án, anh Th phải chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ vào: Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 39 Bộ luật dân sự. Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

2/ Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho anh Đồng Văn Th được ly hôn chị Trần Thị L .

3/ Về án phí: Anh Th phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh đã nộp(Phạm Thế Định nộp thay anh Th) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành theo biên lai số AA/2018/0001633 ngày 13 tháng 11 năm 2020.

4/ Về quyền kháng cáo: Anh Th và chị L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Kim Thành;
- Chi cục THADS huyện Kim Thành;
- UBND xã Liên Hòa, huyện Kim Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Nguyễn Văn Trung